

TRI THỨC BẢN ĐỊA CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI BAHNAR, JRAI TẠI TỈNH GIA LAI VỀ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG LOÀI THIÊN MÔN CHÙM (*ASPARAGUS RACEMOSUS* WILLD.) LÀM THUỐC CHỮA BỆNH

Nguyễn Văn Vũ^{1,2*}, Trần Minh Đức², Dương Văn Nam¹

¹ Trường Trung cấp Lâm nghiệp Tây Nguyên

² Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Tác giả liên hệ: vutrongtamtn@gmail.com

Nhận bài: 16/09/2019

Hoàn thành phản biện: 27/11/2019

Chấp nhận bài: 24/12/2019

TÓM TẮT

Thiên môn chùm (*Asparagus racemosus* Willd.) là một trong các loài cây thuốc bản địa có tiềm năng cần ưu tiên bảo tồn và phát triển tại tỉnh Gia Lai. Cho đến nay, tại Việt Nam chưa có đề tài nghiên cứu tri thức bản địa về khai thác và sử dụng Thiên môn chùm. Đề tài nghiên cứu này nhằm sưu tầm và tư liệu hóa tri thức bản địa của cộng đồng Bahnar và Jrai về các bài thuốc dân gian có thành phần Thiên môn chùm, đồng thời đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển, khai thác và sử dụng loài cây này tại địa phương. Đề tài đã sử dụng phương pháp nghiên cứu thực vật dân tộc học của Gary J. Martin (2002) để thu thập các thông tin, dữ liệu cần thiết. Kết quả cho thấy: người Bahnar và Jrai có nhiều kinh nghiệm trong khai thác, sử dụng Thiên môn chùm làm thuốc chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Nghiên cứu đã sưu tầm được 15 bài thuốc có thành phần Thiên môn chùm được cộng đồng Bahnar, Jrai sử dụng để chữa trị 10 nhóm bệnh khác nhau, đặc biệt là cho phụ nữ sau khi sinh con. Trên cơ sở phân tích các mối đe dọa và nguyên nhân của từng vấn đề, nghiên cứu đã đề xuất được các giải pháp bảo tồn và phát triển các giá trị tài nguyên hiện có.

Từ khóa: Tri thức bản địa, Thiên môn chùm, Bahnar, Jrai, Gia Lai

INDIGENOUS KNOWLEDGE OF THE BAHNAR AND JRAI COMMUNITIES IN GIA LAI PROVINCE ABOUT THE EXPLOITATION AND USE OF *ASPARAGUS RACEMOSUS* WILLD. AS MEDICINES

Nguyen Van Vu^{1,2}, Tran Minh Duc², Duong Van Nam¹

¹ Tay Nguyen Technical school of Forestry

² University of Agriculture and Forestry, Hue University

ABSTRACT

Thien mon chum (*Asparagus racemosus* Willd.) is one of the indigenous medicinal plants which is potential to be prioritized for conservation and development in Gia Lai province. So far, there have not been any research projects on indigenous knowledge about exploiting and using Thien Mon chum. This research topic aims to collect and document indigenous knowledge of Bahnar and Jrai communities about folk remedies containing compositions of Thien mon chum, simultaneously proposes solutions to preserve and develop, exploit and use this plant. The research used the ethnographic plant research method of Gary J. Martin (2002) to collect necessary information and data. The research results showed that the Bahnar and Jrai people have much experience in exploiting and using Thien mon chum as medicine and community healthcare. In addition, the research has collected 15 remedies containing Thien mon chum compositions used by Bahnar and Jrai communities to treat 10 different groups of diseases, especially for women after giving birth. Based on the analysis of threats and causes of each issue, the research proposes solutions to preserve and develop available resource values.

Keywords: Indigenous knowledge, *Asparagus racemosus*, Bahnar, Jrai, Gia Lai

1. MỞ ĐẦU

Tri thức bản địa về quản lý, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên của các cộng đồng dân tộc là rất đa dạng và phong phú. Việt Nam có 54 dân tộc với truyền thống văn hoá và phong tục tập quán khác nhau, mỗi dân tộc trong quá trình khai thác tự nhiên để tồn tại và phát triển sáng tạo và đã tích lũy riêng cho mình một hệ thống các tri thức và kinh nghiệm sử dụng thực vật để phòng và chữa bệnh (Luu Đàm Cư, 2009).

Nghiên cứu tri thức bản địa về cây thuốc và những bài thuốc chữa bệnh của các cộng đồng người dân tộc thiểu số là rất cần thiết, có vai trò quan trọng trong bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc cũng như phát huy hiệu quả chữa bệnh của các bài thuốc dân gian (Lê Thị Thanh Hương và cs., 2016). Thực tế cho thấy có nhiều bài thuốc quý rất hiệu nghiệm, chữa trị được nhiều căn bệnh hiểm nghèo với chi phí chữa trị thấp, tiết kiệm được tài chính. Nhiều nghiên cứu về lĩnh vực y dược trong nước và ở nước ngoài đã kết luận rằng sử dụng bài thuốc cổ truyền dân tộc điều trị được tận gốc bệnh tật, ít có tác dụng phụ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh. Mesfin F. và cs. (được trích dẫn bởi Lê Thị Thanh Hương và cs., 2016) cho rằng các bài thuốc quý của các cộng đồng dân tộc thiểu số đều tiềm ẩn nguy cơ bị thất truyền, hiệu quả chữa bệnh ngày càng bị hạn chế.

Tại một số quốc gia như Ấn Độ, Thái Lan, Nê Pan nơi có loài Thiên môn chùm (*Asparagus racemosus* Willd) phân bố, người ta đã sử dụng rễ củ của loài cây này làm thuốc chữa nhiều bệnh khác nhau (Amit Chawla và cs., 2011; Bhutani và cs., 2010; Frawley, 1997; Gogte, 2000; Goyal, Singh, Lal, 2003; Kala, 2009; Nishritha, Sanjay, 2007; Sairam và cs., 2003; Sharma, Charaka, 2001; Wiboonpun và

cs., 2004), đồng thời cũng là nguồn thu nhập quan trọng của người dân bản địa (Maraseni và cs., 2008).

Tại tỉnh Gia Lai, đã từ lâu đời, loài Thiên môn chùm (TMC) được người Bahnar, Jrai khai thác sử dụng chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng. Nhưng đến nay tại Việt Nam, loài thảo dược quý này chưa được đề cập đến trong các tài liệu cây thuốc và bài thuốc của tác giả đầu ngành như Đỗ Tất Lợi (2004), Võ Văn Chi (2012) và tại các công trình nghiên cứu về cây thuốc của các tác giả khác. Chính vì vậy, việc nghiên cứu tri thức bản địa của người Bahnar, Jrai về khai thác và sử dụng loài TMC làm thuốc chữa bệnh là rất cần thiết, là cơ sở khoa học và thực tiễn để góp phần bảo tồn và phát huy ứng dụng trong chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài, nhằm sưu tầm và dữ liệu hóa tri thức bản địa của người Bahnar, Jrai về khai thác, chế biến và sử dụng TMC làm thuốc, đồng thời đề xuất các giải pháp phát huy ứng dụng chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Để đạt được mục tiêu đề ra, đề tài triển khai thực hiện 2 nội dung nghiên cứu, gồm: (i) Tri thức bản địa về khai thác, chế biến và sử dụng loài TMC làm thuốc chữa bệnh; và (ii) Giải pháp phát huy ứng dụng tri thức bản địa của cộng đồng Bahnar, Jrai về bảo tồn và phát triển, khai thác và sử dụng loài TMC làm thuốc chữa bệnh.

2.2. Phương pháp

2.2.1. Xác định các điểm nghiên cứu và dung lượng mẫu điều tra

- Điểm nghiên cứu

Nghiên cứu này được triển khai trên địa bàn 6 huyện đại diện cho văn hóa truyền thống của cộng đồng người Bahnar, Jrai thuộc tỉnh Gia Lai, trong đó: Điều tra tri thức bản địa của cộng đồng Bahnar ở 3 huyện: Mang Yang, Kông Chro, KBang; và cộng đồng Jrai ở 3 huyện: Krông Pa, Chư Puh, Đức Cơ

- Dung lượng mẫu điều tra

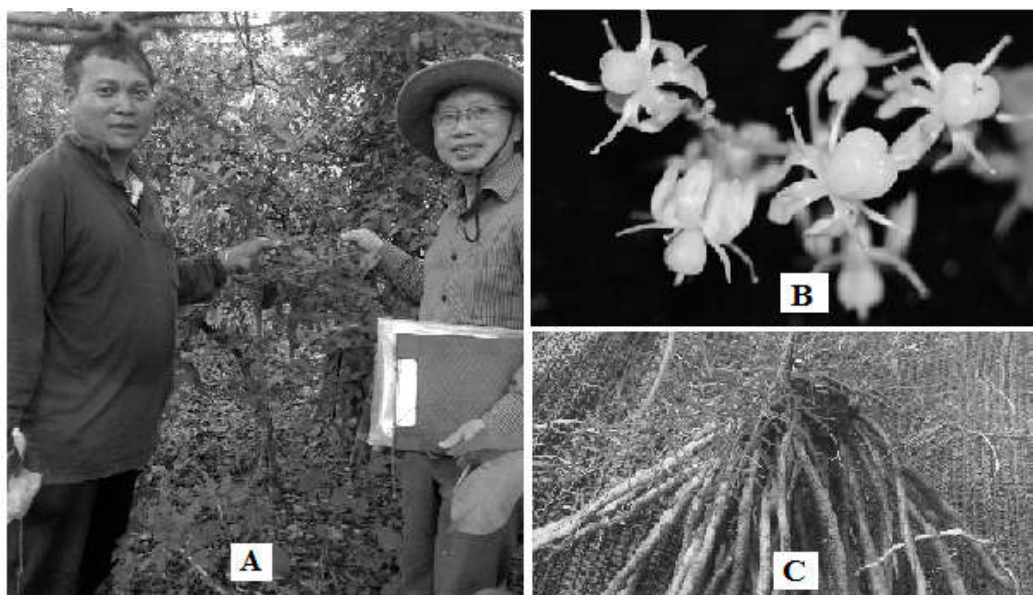
Đề tài tiến hành phỏng vấn 60 người (30 người Bahnar và 30 người Jrai). Đối tượng phỏng vấn bao gồm: Các thầy thuốc, những người am hiểu về cây thuốc, bài thuốc

được cộng đồng người Bahnar, Jrai khai thác và sử dụng chữa bệnh.

2.2.2. Phương pháp Thực vật học dân tộc

- Phương pháp điều tra Thực vật học dân tộc:

Sử dụng phương pháp Thực vật dân tộc học: Điều tra nghiên cứu tri thức bản địa của người Bahnar, Jrai về khai thác, sử dụng loài TMC làm thuốc chữa bệnh được tiến hành theo các phương pháp nghiên cứu thực vật dân tộc học của Gary J. Martin (2002), bao gồm:



Hình 1. A. Điều tra thực địa cùng thầy thuốc Hiao Thuyên tại huyện Krông Pa; B. Chùm hoa và C. Thân, lá và rễ củ của loài TMC

+ Thu thập mẫu tiêu bản cây thuốc: Điều tra thực địa cùng thầy thuốc địa phương để nhận diện loài TMC và thu thập mẫu tiêu bản một số loài cây thuốc khác có liên quan trong các bài thuốc.

+ Định danh loài cây thuốc: Kế thừa kết quả công trình nghiên cứu đã được công bố về phân loại và đặc điểm hình thái loài TMC (Võ Thị Minh Phương và cs., 2017; Viện Sinh thái miền Nam, 2017; Nguyễn Văn Vũ và cs., 2019). Đối với các loài cây thuốc khác: Xác định tên loài theo

phương pháp so sánh hình thái dựa vào một số sách tham khảo như: Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999); Danh lục các loài thực vật Việt Nam của Nguyễn Tiến Bân (2003); Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2004); Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2012).

+ Thu thập thông tin về hoạt động khai thác, sử dụng TMC làm thuốc chữa bệnh: Sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc để thu thập thông tin từ các thầy thuốc, những người dân có kinh nghiệm về

khai thác và sử dụng TMC làm thuốc chữa bệnh tại khu vực nghiên cứu.

2.2.3. Phương pháp tham vấn cộng đồng và chuyên gia

Sử dụng phương pháp tham vấn cộng đồng và tham vấn chuyên gia về các giải pháp nhằm phát huy ứng dụng tri thức bản địa của cộng đồng Bahnar, Jrai về bảo tồn và phát triển, khai thác và sử dụng loài TMC làm thuốc chữa bệnh.

2.2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Đề tài sử dụng phần mềm EXCEL 2010 và SPSS 20.0 để xử lý các số liệu điều tra, phục vụ nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tri thức bản địa về khai thác, chế biến và sử dụng loài TMC làm thuốc chữa bệnh

3.1.1. Kiến thức nhận biết loài TMC

- Tên gọi:

Người Kinh gọi là cây Thiên môn chùm; Người Bahnar gọi là “Kram rech”; Người Jrai gọi là “Kram ngek”, hay “Kram Hre”.

Tên gọi địa phương thường hàm chứa những đặc điểm quan trọng của loài cây, là cơ sở để phân biệt giữa các loài cây với nhau. Người Bahnar gọi TMC là “Kram rech” từ “Kram” nghĩa là cây Tre, “rech” là một loài chim nhỏ xíu thường làm tổ trên cây. Khi chồi loài cây này mới nhú lên khỏi mặt đất có hình dạng như măng cây Tre, nhưng nhỏ, mảnh, nên người Bahnar ghép thành tên gọi là “Kram rech”, nghĩa là cây “Tre nhỏ”. Tương tự, người Jrai gọi TMC là “Kram ngek” bao hàm ý nghĩa như trên, ngoài ra còn gọi “Kram Hre”, từ “Hre” là “dây leo”, nghĩa là cây “Tre dây”.

- Đặc điểm nhận dạng:

Theo kinh nghiệm của bà con cho biết, loài TMC chỉ mọc ở ven nương rẫy,

nhai trắng đất trống, lùm bụi, ở các khu nhà mộ bỏ hoang, hay trên các ụ đất do loài Mối tạo nên. Loài này rất dễ nhận biết bởi đặc điểm thân cây dây leo, lá nhỏ như kim, màu xanh đậm, thân có gai nhọn, sắc dễ gây xước da, chảy máu nếu vướng phải trên đường đi.

3.1.2. Kỹ thuật khai thác, chế biến TMC làm thuốc chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng

Tri thức bản địa của người Bahnar, Jrai về nhận biết các loại cây thuốc và cách khai thác, chế biến để sử dụng chữa bệnh chỉ lưu giữ trong trí nhớ, do vậy chỉ có những thầy thuốc hoặc người am hiểu mới có thể lên rừng tìm kiếm, khai thác và mang về sử dụng.

Những thầy thuốc giỏi trong cộng đồng khi khai thác thảo dược, thường rất thận trọng, tránh làm dập nát các bộ phận làm thuốc. Mặt khác, họ rất quan tâm đến việc khai thác nhưng vẫn đảm bảo tái sinh cho cây thuốc. Ví dụ: Cây đang ra hoa, quả thì không nên khai thác ngay, mà phải đợi sau khi quả chín rụng mới khai thác; Cây ra chồi non, hoặc cây đang nhỏ cũng hạn chế khai thác; Nếu khai thác phần rễ, thường quan tâm giữ lại một phần trong đất để cây tái sinh trở lại; Nếu sử dụng phần lá cây thì chỉ lấy những cành phụ và phần ngọn được giữ lại, dùng dao sắc để lấy, chứ không dùng tay bẻ. Tuy nhiên, đối với những người khác, họ thường khai thác quá mức đối với những cây thuốc thông dụng, có phân bố tự nhiên gần khu vực canh tác nương rẫy và dễ dàng tìm kiếm, trong đó có loài TMC.

Cách sơ chế sau thu hái cây thuốc của đồng bào dân tộc Bahnar, Jrai chủ yếu làm sạch rồi dùng tươi hoặc phơi khô để dùng trong vài ngày chứ không bảo quản lâu, bởi họ cho rằng cây thuốc lấy về dùng ngay sẽ giữ được các hoạt chất, tránh bị nấm mốc làm giảm chất lượng. Tùy theo

loại bệnh để có hình thức chế biến thuốc phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả chữa trị. Nhìn chung, Người Bahnar, Jrai có các hình thức chế biến thuốc để chữa bệnh thường là: Rửa sạch, chặt nhỏ, mỏng dùng tươi hoặc phơi khô để nấu nước, sắc uống; giã nát đắp lên vết thương hoặc xát lên vị trí bị bệnh (bệnh người da), lấy nước uống; ngâm tươi, ngâm nước thuốc; nấu nước tắm, nướng lửa, ngâm rượu.

Người Bahnar và Jrai sử dụng rễ củ loài TMC để làm thuốc. Theo các thầy thuốc trong cộng đồng, để cho chất lượng rễ củ tốt nhất, nên khai thác TMC vào tầm tháng 1 - 2 âm lịch, khi phần thân cây trên mặt đất bị tàn lụi bởi thời tiết trong mùa khô của địa phương. Điều này hoàn toàn phù hợp với hướng dẫn kỹ thuật khai thác các loài cây lấy củ làm thuốc (Trần Minh Đức và Lê Thị Diên, 2015).

Người khai thác dựa vào chiều dài thân và độ lớn của gốc để chọn những cây trưởng thành, đã có nhiều củ đủ độ tuổi để khai thác. Sau khi khai thác từ rừng, củ TMC được cắt ra khỏi phần gốc, rửa sạch đất cát và loại bỏ các tạp vật, rễ củ bị sâu, bị hỏng, sau đó thái thành từng lát hoặc để nguyên củ dùng tươi, hoặc phơi dưới ánh nắng nhẹ cho đến khô rồi gói vào túi ni lông hoặc bao lác để dùng dần trong khoảng thời gian tối đa là 2 tháng.

3.1.3. Các bài thuốc dùng TMC để chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng

Kết quả nghiên cứu của đề tài đã sưu tầm được 15 bài thuốc, gồm 7 bài độc vị và 8 bài đa vị có thành phần TMC được cộng đồng Bahnar, Jrai sử dụng để chữa trị 10 nhóm bệnh khác nhau (Bảng 1).

Bảng 1. Các bài thuốc có thành phần TMC được người Bahnar, Jrai sử dụng để chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng

| Nhóm công dụng | STT bài thuốc | Thành phần và cách chế biến bài thuốc | Công dụng của bài thuốc | Nguồn thông tin * |
|-------------------------------------|---------------|---|---|-------------------|
| 1. Dùng cho phụ nữ sau khi sinh | 1 | Củ TMC tươi 1 nắm to (hoặc khô 1 nắm vừa) nấu uống thay nước chè hàng ngày. | Thuốc bổ và lợi sữa cho sản phụ sau sinh | (1) |
| | 2 | Củ TMC khô 1 nắm, rễ Cỏ tranh khô 1 nắm, rễ cây “Kah cặp” khô 1 nắm, vỏ Quế rừng khô 1 nắm nhỏ, vỏ Mai vàng khô 1/2 nắm, rễ Xấu hổ đỏ khô 1/2 nắm, đồ ngập nước, sắc trên lửa nhỏ 10 - 15 phút, dùng ngày 3 lần, sau bữa ăn 30 phút, mỗi lần 1/2 bát. | Thuốc bổ và lợi sữa cho sản phụ sau sinh | (2) |
| | 3 | Củ TMC khô 1 nắm, củ Thổ phục linh khô 1 nắm nhỏ, Khoai mài khô 1 nắm nhỏ, sắc nước uống sau bữa ăn 10 - 15 phút, mỗi lần uống 2/3 bát. | Thuốc bổ và lợi sữa cho sản phụ sau sinh | (3), (4) |
| 2. Bồi bổ sức khỏe, an thần | 4 | Dùng 1 nắm củ TMC khô/tươi hầm chung với thịt gà, gạo trắng thành cháo, thêm ít muối và sau đó ăn. | Bồi bổ sức khỏe, trị chứng suy nhược cơ thể | (4) |
| 3. Trị ho, hen | 5 | 01 nắm củ TMC tươi/khô nấu uống thay nước hàng ngày đến khi khỏi bệnh | Trị ho, ho lâu ngày, ho khó thở | (2) |
| 4. Chăm máu vết thương, máu cam | 6 | Nhai lá TMC tươi đắp lên vết thương ngày 3 - 5 lần | Chăm máu, sát trùng vết thương | (5) |
| 5. Trị đau thận, bí tiểu, đái đường | 7 | Củ TMC tươi/khô 01 nắm, rễ Cỏ tranh tươi 1 nắm nhỏ nấu uống thay nước hàng ngày đến khi hết bệnh. | Trị chứng bí tiểu, đái dật | (6) |
| | 8 | Củ TMC, toàn thân Chó đẻ, rễ Găng trắng, quả Trâm voi, rễ “Rong roh”, rễ “Kla apar” tất cả phơi khô mỗi thứ 1 nắm nhỏ, sắc nước uống trước bữa ăn 30 phút, ngày 3 - 5 lần, mỗi lần 1/2 bát, hoặc 1 ly vừa. | Trị chứng tiểu đường | (2) |
| 6. Trị bệnh phù thũng | 9 | Củ TMC tươi/khô nấu uống thay nước hàng ngày đến khi hết bệnh | Trị chứng phù nề cơ thể | (7) |
| | 10 | Củ TMC phơi khô ngâm rượu uống điều độ hàng ngày vào bữa ăn tối. | Trị chứng thấp khớp | (8) |
| 7. Trị đau nhức xương, khớp | 11 | Rễ cây “Kah cặp”, thân cây Chó đẻ, TMC, Cỏ tranh, Quế rừng, Gai xấu hổ đỏ, Rau má, rễ Mai vàng, rễ cây “Ta lằng vat” tất cả phơi khô, mỗi thứ 1 nắm nhỏ sắc nước uống trước bữa ăn 30 phút, ngày 03 lần, mỗi lần 1/2 bát. | Trị đau gân, mỏi khớp, nhức xương | (2) |
| | 12 | Củ TMC phơi khô ngâm rượu uống điều độ hàng ngày vào bữa cơm tối. | Trị đau lưng | (5) |
| 8. Trị đau bụng, tiêu chảy, kiết lỵ | 13 | Củ TMC tươi/khô sắc uống trước bữa ăn 10 - 15 phút, ngày 3 lần, mỗi lần 1/2 bát. | Trị chứng đau bụng do khó tiêu | (9) |
| 9. Trị đau dạ dày, tá tràng | 14 | Củ TMC 1 nắm khô, quả Núc nác 1 nắm khô đem sắc nước uống trước bữa ăn 30 phút, ngày 3 lần, mỗi lần 2/3 bát. | Trị đau dạ dày | (2) |
| 10. Trị các bệnh khác | 15 | Củ gấu, củ TMC, rễ Rong roh, thân Par meo, rễ Priêng can, thân Móng bò dây, tất cả phơi khô mỗi thứ 1 nắm nhỏ, đem sắc nước uống trước bữa ăn 30 phút, ngày 3 lần, mỗi lần 2/3 bát. | Trị bệnh Gút | (2) |

* Nguồn cung cấp thông tin: (1). Cộng đồng người dân Bahnar, Jrai; (2). Hiao Thuyền - thầy thuốc người Jrai (buôn Ekia, Ia Rsai, Krông Pa); (3). Nay Jai, người Jrai (buôn Nung, Chư Drăng, Krông Pa); Rochâm Hrai, người Jrai (buôn Chính đơn 2, Ia Mlah, Krông Pa); Đinh Liếp, người Bahnar (Chư Glong, Kôngchro); (4). Đinh Liếp, người Bahnar (Chư Glong, Kôngchro); (5). Ksor Hoa, người Jrai (thôn Chính đơn, xã Iamla, Krông Pa); (6). Ksor Siem, người Jrai –thôn Chính Đơn, Xã Iamla, Krông Pa); (7). Siu Lê, người Jrai (buôn Kuai, xã Ia Blư, Chư Puh); (8). Rochâm Dik, người Jrai (buôn Mook Trang, Ia Dom, Đức Cơ); (9). Siu Chen, người Jrai, (buôn Kuai, Ia Blư, Chư Puh).

Nguồn: Kết quả tổng hợp từ nguồn số liệu điều tra về tri thức bản địa của người Bahnar, Jrai tại Gia Lai (2019)

Trong số 15 bài thuốc chứa vị TMC, có 3 bài sử dụng đối với phụ nữ sau sinh. Theo đánh giá của các thầy thuốc và người dân địa phương, TMC dùng rất hiệu quả đối với sản phụ sau khi sinh với tác dụng nổi trội là tăng cường số lượng và chất lượng sữa, đồng thời bồi bổ sức khỏe, trị chứng chóng mặt, ù tai. Điều này trùng hợp với những kết quả nghiên cứu ở các nước có nền y học cổ truyền phát triển như Nepal, Ấn Độ (Sharma và Dash, 2003; Srikantha, 1997; Gogte, 2000; Frawley, 1997).

Kết quả nghiên cứu cũng đã ghi nhận được bài thuốc sử dụng TMC điều trị bệnh lý về phổi: Ho, ho lâu ngày, ho khó thở. Theo Lương y Nông Thị Tươi ở xã Ia Pior, huyện Chư Prông cho biết đã sử dụng TMC để điều trị bệnh lý về phổi hiệu quả không kém loài Thiên môn đông (*A. cochinchinensis* (Lour.) Merr.) - loài thảo mộc cùng nhóm được sử dụng phổ biến trong Đông y (Đỗ Tất Lợi, 2004). Bên cạnh đó là các bài thuốc điều trị bệnh Gút (gout) và bệnh lý về thận rất hiệu quả do thầy thuốc Hiao Thuyền người Jrai lưu giữ và áp dụng đang được tín nhiệm cao trong cộng đồng.

TMC không những được sử dụng làm thuốc chữa trị một số căn bệnh, mà còn được chế biến làm thực phẩm có giá trị bổ dưỡng đối với sức khỏe con người. Cũng như các cộng đồng dân tộc khác sinh

sống dọc theo dãy Trường Sơn, trong các lễ hội và sinh hoạt của cộng đồng người Bahnar, Jrai không thể thiếu thức uống rượu ghè (*Xit ghe* - Bahnar/Topai nheh-Jrai). Nghiên cứu cho thấy cộng đồng Bahnar sử dụng khoảng 5-7 loài thực vật để làm men rượu cần, nhưng cộng đồng Jrai sử dụng đến 30 loài cây, trong đó có thành phần chính là rễ củ loài TMC, Sương sâm lông (*Cyclea barbata* Wall.), Sâm bò chính (*Abelmoschus sagittifolius* (Kurz.) Merr.), Quế rừng (*Cinnamomum* sp.) là những loài thảo dược quý với hương vị thơm nồng, bổ dưỡng, hấp dẫn, góp phần tạo nên nét đặc sắc của văn hóa của cộng đồng dân tộc.

3.2. Giải pháp phát huy ứng dụng tri thức bản địa của cộng đồng Bahnar, Jrai về bảo tồn và phát triển, khai thác và sử dụng loài TMC làm thuốc chữa bệnh.

3.2.1. Các mối đe dọa đến tri thức bản địa của cộng đồng Bahnar, Jrai về bảo tồn và phát triển, khai thác và sử dụng loài TMC làm thuốc chữa bệnh

a) Các mối đe dọa đến hoạt động bảo tồn và phát triển loài TMC

Kết quả nghiên cứu chỉ ra 7 mối đe dọa đến sự tồn tại và phát triển của TMC được phân tích tại Bảng 2.

Bảng 2. Phân tích các mối đe dọa đến quần thể loài TMC tại khu vực nghiên cứu

| Tên mối đe dọa | Hướng tác động | Hậu quả của tác động đến loài | Mức độ đe dọa | Nguyên nhân |
|---|------------------------|---|---------------|---|
| Tình trạng khai thác thiếu bền vững, mang tính hủy diệt | Trực tiếp | Khai thác đến đâu cạn kiệt đến đó, đe dọa tuyệt chủng loài | Rất cao | Tập quán và nhận thức của một bộ phận người dân địa phương |
| Hoạt động khai phá, lấn chiếm trái phép đất lâm nghiệp để canh tác nương rẫy | Trực tiếp và gián tiếp | Làm suy giảm quần thể và mất đi sinh cảnh sống tự nhiên của loài TMC; | Rất cao | Nhu cầu đất sản xuất của người dân địa phương, trách nhiệm của chính quyền và các bên liên quan |
| Hoạt động dùng thuốc diệt cỏ trong quá trình canh tác của người dân địa phương | Trực tiếp và gián tiếp | Gây chết hàng loạt cây tái sinh và ảnh hưởng nặng nề đến sinh trưởng, phát triển của cây trưởng thành | Cao | Nhận thức về môi trường và thói quen lạm dụng thuốc BVTV |
| Nạn lửa rừng xảy ra phổ biến | Trực tiếp và gián tiếp | Ảnh hưởng đến tái sinh và sinh trưởng, phát triển của TMC | Cao | Tập quán, nhận thức của người dân; đặc trưng của vùng địa lý - sinh thái; biến đổi khí hậu |
| Công tác quản lý và tuyên truyền của các cơ quan chức năng còn nhiều bất cập | Gián tiếp | Nạn khai thác tràn lan, kiệt quệ một số loài cây thuốc quý, trong đó có TMC. | Trung bình | Năng lực quản lý và trách nhiệm của cơ quan chức năng còn hạn chế |
| Hoạt động phục hồi và phát triển cây thuốc còn rất hạn chế và chưa được quan tâm đúng mức | Gián tiếp và trực tiếp | Chưa tạo được nhận thức, động lực và các điều kiện cần cho phát triển loài | Trung bình | Thiếu định hướng và các nguồn lực cho các hoạt động liên quan |
| Thông tin về giá trị và công dụng của loài TMC còn quá ít và chưa được phổ biến rộng rãi | Gián tiếp | Chưa định hướng được cho người dân và các bên liên quan trong hoạt động bảo tồn và phát triển loài. | Trung bình | Thiếu sự tham gia của “bốn nhà” và các bên liên quan. |

Nguồn: Kết quả tổng hợp từ nguồn số liệu điều tra về tri thức bản địa của người Bahnar, Jrai tại Gia Lai (2019)

Có thể thấy, có 7 mối đe dọa khác nhau đến sự tồn tại và phát triển của quần thể loài TMC tại tỉnh Gia Lai. Trong đó có 2 mối đe dọa ở mức tác động rất cao là khai thác sản phẩm làm thuốc không bền vững và hoạt động sản xuất nương rẫy trái phép. Những mối đe dọa cao là: lạm dụng thuốc trừ cỏ trong sản xuất nông lâm nghiệp tại địa phương và nạn lửa rừng xảy ra thường xuyên ở vùng sinh thái rừng khộp. Các mối đe dọa còn lại chủ yếu là tác động gián tiếp ở mức trung bình, phổ biến là do sự bất cập về trách nhiệm và năng lực quản lý tài nguyên, tổ chức hoạt động và thông tin. Nguyên nhân chính bao

trùm gồm: (i) tập quán khai thác tài nguyên rừng; (ii) nhu cầu cao về tài nguyên và tư liệu sản xuất; và (iii) những hạn chế về nhận thức, năng lực và mức độ tham gia của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng và các bên liên quan.

a) Các mối đe dọa đến tri thức bản địa về khai thác và sử dụng TMC làm thuốc chữa bệnh

Quá trình nghiên cứu cho thấy tri thức về sử dụng cây thuốc và các bài thuốc (trong đó có TMC) của cộng đồng Bahnar, Jrai tiềm ẩn nguy cơ thất truyền và hiệu quả chữa bệnh ngày càng bị hạn chế bởi các mối đe dọa và lý do như phân tích tại Bảng 3.

Bảng 3. Phân tích các mối đe dọa đến tri thức bản địa trong khai thác và sử dụng loài TMC

| Tên mối đe dọa | Hướng tác động | Hậu quả của tác động đến tài nguyên | Mức độ đe dọa | Nguyên nhân |
|--|------------------------|---|---------------|--|
| Khả năng lưu giữ tri thức đầy đủ, hệ thống và lâu bền | Trực tiếp | Đễ bị thất truyền, mai một hoặc sai lệch khi chuyển giao giữa các thế hệ | Rất cao | Do đặc thù của tri thức bản địa là truyền khẩu và “cầm tay chỉ việc” |
| Sự ràng buộc bởi định chế của dòng họ, gia đình về các phương thuốc “gia truyền”, thuốc “giấu”. | Trực tiếp | Giảm cơ hội truyền bá và ứng dụng tri thức; Tăng nguy cơ thất truyền những bài thuốc hay, cây thuốc quý | Cao | Do tuân thủ nghiêm ngặt luật tục của gia đình, dòng họ về bí mật các cây thuốc, bài thuốc gia truyền; một số khác do tín ngưỡng và quan niệm hoặc lợi ích cục bộ không muốn truyền cho người khác. |
| Sự thay đổi về nhận thức, tập quán và thị hiếu của cộng đồng trong bối cảnh công nghệ phát triển | Gián tiếp | Coi nhẹ tri thức và văn hóa truyền thống; Thay đổi tập quán sử dụng tài nguyên bản địa | Cao | Sự tác động mạnh mẽ của y học tiên tiến, hình thành thói quen sử dụng tân dược (thuốc Tây) để chữa bệnh trong mọi trường hợp, thay vì sử dụng các bài thuốc dân gian đã có. |
| Sự suy thoái của nguồn tài nguyên cây thuốc do nhiều nguyên nhân khác nhau (bảng 2) | Trực tiếp và gián tiếp | Làm giảm cơ hội lưu giữ những tri thức bản địa có liên quan | Cao | Sự suy giảm và mất mát tài nguyên vật thể kéo theo sự mất mát các giá trị của tài nguyên phi vật thể |
| Sự quan tâm và phối hợp giữa chính quyền địa phương và các bên liên quan chưa cao | Gián tiếp | Chưa có chiến lược, chính sách và kế hoạch hành động trong bảo tồn và phát huy tri thức bản địa | Trung bình | Thiếu sự khởi xướng và phối hợp của các bên liên quan trong việc nghiên cứu, bảo tồn và ứng dụng các cây thuốc, bài thuốc dân gian để chữa bệnh. |

Nguồn: Kết quả tổng hợp từ nguồn số liệu điều tra về tri thức bản địa của người Bahnar, Jrai tại Gia Lai (2019)

Có 5 mối đe dọa đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị của tri thức bản địa trong sử dụng cây thuốc và các bài thuốc tại khu vực nghiên cứu. Trong đó có mối đe dọa ở mức tác động rất cao là khả năng lưu giữ tính nguyên vẹn của tri thức bản địa; Các mối đe dọa cao là: (i) Sự ràng buộc bởi định chế của dòng họ, gia đình; (ii) Sự thay đổi về nhận thức, tập quán, văn hóa và thị hiếu của cộng đồng; và, (iii) Sự suy thoái của nguồn tài nguyên cây thuốc. Ngoài ra, sự thiếu quan tâm và phối hợp giữa chính quyền địa phương và các bên liên quan cũng gián tiếp có ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu này.

3.2.2. Giải pháp phát huy ứng dụng tri thức bản địa của cộng đồng Bahnar, Jrai về bảo tồn và phát triển, khai thác và sử dụng loài TMC làm thuốc chữa bệnh

Trên cơ sở phân tích các mối đe dọa đến bảo tồn và phát triển, khai thác và sử dụng loài TMC làm thuốc chữa bệnh, kết hợp tham vấn cộng đồng và các chuyên gia, chúng tôi tổng hợp và đề xuất hai nhóm giải pháp cơ bản sau đây:

(1) Nhóm giải pháp bảo tồn và phát triển loài TMC tại tỉnh Gia Lai: Bao gồm 7 giải pháp được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4. Khung giải pháp bảo tồn và phát triển loài TMC tại tin Gia Lai

| Tên giải pháp | Mục tiêu của giải pháp | Nội dung chính của giải pháp | Mức ưu tiên | Đối tượng chủ trì (a) và bên liên quan (b) |
|---|---|---|-------------|--|
| 1. Tăng cường vai trò, trách nhiệm và năng lực của cơ quan quản lý tài nguyên | -Ngăn chặn kịp thời nạn lấn chiếm đất rừng trái phép -Ngăn chặn tình trạng khai thác tài nguyên rừng tràn lan, hủy diệt -Khắc phục tình trạng hạn chế về năng lực, trách nhiệm quản lý của cán bộ | -Lập kế hoạch và thực thi hoạt động kiểm tra, giám sát tài nguyên - Xây dựng cơ chế thưởng, phạt công minh - Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên trách QLBR | Rất cao | a. Sở NN, Chi cục Kiểm lâm b. UBND huyện, xã; Đơn vị chủ rừng |
| 2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng và các bên liên quan | -Tạo được ý thức bảo vệ môi trường và khai thác sử dụng bền vững tài nguyên - Khắc phục thói quen lạm dụng thuốc BVTV - Hạn chế nạn cháy rừng | - Lập kế hoạch và chuẩn bị nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng -Tổ chức tuyên truyền và đánh giá hiệu quả | Cao | a. UBND các cấp; Hạt KL; chủ rừng b. Hạt KL; chủ rừng; cộng đồng |
| 3. Triển khai nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng đối với loài TMC | - Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ bảo tồn và phát triển TMC; - Cung cấp những thông tin cần thiết về loài TMC cho các bên liên quan, thu hút đầu tư phát triển | -Xây dựng và thực hiện các đề tài, dự án phù hợp với định hướng của địa phương và ngành y tế - Quảng bá rộng rãi kết quả nghiên cứu, thực nghiệm bằng nhiều kênh thông tin khác nhau | Cao | a. Sở KH&CN b. Các Sở, ngành trong tỉnh; Các tổ chức, cá nhân có năng lực |
| 4. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật khai thác, gây trồng TMC | - Khai thác và sử dụng bền vững loài TMC trong tự nhiên - Tổ chức gây trồng và phát triển nguồn nguyên liệu TMC | - Chuẩn bị nội dung và vật liệu hỗ trợ tập huấn; -Tổ chức tập huấn và hội thảo đầu bờ... - Đánh giá hiệu quả | Trung bình | a. Cán bộ khuyến nông b. UBND huyện; cộng đồng; CQ, tổ chức, cá nhân |
| 5. Quy hoạch gây trồng và phát triển hợp lý | - Sử dụng hiệu quả quỹ đất lâm nghiệp hiện có - Định hướng sản xuất và đầu tư nguồn lực cho phát triển sản phẩm dược liệu | -Xây dựng quy hoạch trình phê duyệt - Triển khai các hoạt động theo kế hoạch được duyệt -Tổng kết, báo cáo | Trung bình | a. UBND tỉnh b. Các sở TN&MT, NN&PTNT; UBND huyện, xã; chủ rừng; cộng đồng |
| 6. Xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường trong và ngoài nước | -Đảm bảo đầu ra, nâng cao giá trị thương mại và hướng đến xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm TMC | -Quảng bá, tiếp thị sản phẩm, -Xây dựng hệ thống thông tin, đăng ký thương hiệu -Tổ chức nghiên cứu, dự báo thị trường | Trung bình | a. Sở Công Thương b. Các sở ngành liên quan |
| 7. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển cây dược liệu | - Giải quyết nguồn vốn vay ưu đãi cho đầu tư gây trồng và phát triển TMC - Khuyến khích các doanh nghiệp, tập thể, cá nhân tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm | -Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù; -Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện | Trung bình | a. UBND tỉnh b. Các sở ngành liên quan; UBND huyện, xã; chủ rừng; cộng đồng |

Nguồn: Kết quả tổng hợp từ nguồn số liệu điều tra về tri thức bản địa của người Bahnar, Jrai tại Gia Lai (2019)

2) Nhóm giải pháp bảo tồn, phát huy ứng dụng tri thức bản địa liên quan đến loài

TMC: Bao gồm 5 giải pháp được trình bày ở Bảng 5.

Bảng 5. Giải pháp bảo tồn, phát huy ứng dụng tri thức bản địa liên quan đến loài TMC

| Tên giải pháp | Mục tiêu của giải pháp | Nội dung chính của giải pháp | Mức ưu tiên | Đối tượng chủ trì (a) và bên liên quan (b) |
|---|---|--|-------------|--|
| 1. Triển khai nghiên cứu ứng dụng, thẩm định và tài liệu hóa các bài thuốc được sưu tầm | - Ngăn chặn nguy cơ thất truyền, mai một hoặc sai lệch khi chuyển giao giữa các thế hệ - Khắc phục hạn chế, phát huy ưu điểm mang lại hiệu quả chữa trị cao, tạo lòng tin cho người sử dụng | - Xây dựng và triển khai các đề tài, dự án - Ghi chép, tài liệu hóa các bài thuốc, vị thuốc - Lập hồ sơ và tổ chức Hội đồng chuyên môn để thẩm định, đánh giá; - Đăng ký sở hữu trí tuệ | Rất cao | a. Sở KH&CN b. Các Sở, ngành trong tỉnh; Các tổ chức, cá nhân có năng lực |
| 2. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thầy thuốc uy tín hành nghề và cung cấp các bài thuốc | - Nhằm sưu tầm các bài thuốc quý trong cộng đồng; - Tăng cơ hội truyền bá và ứng dụng tri thức; - Giảm nguy cơ thất truyền những bài thuốc hay, cây thuốc quý | - Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù - Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện - Đăng ký sở hữu trí tuệ và chế độ đãi ngộ thích đáng | Cao | a. Sở Y tế b. Các sở ngành liên quan; UBND huyện, xã; Trung tâm Y tế, cộng đồng |
| 3. Tuyên truyền, vận động người dân địa phương khai thác, sử dụng các bài thuốc dân gian | - Nâng cao nhận thức, tạo niềm tin cho người dân sử dụng thuốc dân gian - Tạo động lực, thúc đẩy các thầy thuốc hành nghề - Ngăn ngừa nguy cơ “xói mòn” văn hóa, tri thức bản địa. | - Lập kế hoạch tuyên truyền và chuẩn bị nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp - Tổ chức tuyên truyền và đánh giá hiệu quả | Cao | a. UBND các cấp b. Trung tâm Y tế, Trạm y tế; Cộng đồng |
| 4. Xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc tại địa phương | - Ngăn chặn suy thoái nguồn tài nguyên cây thuốc; - Cung cấp nguyên liệu tại chỗ khi có nhu cầu; - Gia tăng cơ hội lưu giữ những tri thức bản địa có liên quan | - Lập kế hoạch và triển khai các hoạt động ưu tiên bảo tồn và phát triển các loài có liên quan đến các bài thuốc dân gian - Tổng kết, báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện | Cao | a. Sở Y tế b. Các sở ngành liên quan; UBND huyện, xã; Trung tâm Y tế; Cộng đồng |
| 5. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cấp/ ngành trong việc sưu tầm và ứng dụng các bài thuốc dân gian | - Tạo mối liên kết và sự phối hợp chặt chẽ trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức, khuyến khích các thầy thuốc hành nghề; - Tạo nên động lực thu hút sự quan tâm của các bên liên quan trong việc bảo tồn và phát huy ứng dụng | - Xây dựng quy chế phối hợp; - Lập kế hoạch thực hiện - Tổ chức hội thảo, hội nghị đánh giá và đúc rút kinh nghiệm, ... | Trung bình | a. Sở Y tế b. Các sở ngành liên quan; UBND huyện, xã; Trung tâm Y tế, cộng đồng |

(Nguồn: Kết quả tổng hợp từ nguồn số liệu điều tra về tri thức bản địa của người Bahnar, Jrai tại Gia Lai (2019))

4. KẾT LUẬN

Loài TMC giữ vai trò đáng kể trong kho tàng tri thức bản địa về khai thác và sử dụng tài nguyên cây thuốc của cộng đồng người Bahnar và Jrai tại tỉnh Gia Lai. Trong

phạm vi kết quả nghiên cứu, đề tài đã sưu tầm được 15 bài thuốc có thành phần TMC được cộng đồng Bahnar, Jrai sử dụng để chữa trị 10 nhóm bệnh khác nhau. Trong đó, công dụng nổi bật của vị thuốc TMC

được sử dụng tại cộng đồng là dùng để lợi sữa, bồi bổ sức khỏe, trị chứng chóng mặt, ù tai cho sản phụ sau khi sinh, điều này phù hợp với những tài liệu đã công bố tại nhiều nước có loài phân bố. Ngoài ra, có thể sử dụng TMC độc vị hay phối hợp với các vị thuốc bản địa khác để điều trị nhiều bệnh khác có liên quan đến hệ hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu và xương khớp. Ngoài công dụng làm thuốc, TMC còn được chế biến làm thực phẩm có giá trị bổ dưỡng đối với sức khỏe con người, là thành phần chủ yếu để làm men rượu ghè truyền thống của người Jrai, góp phần bảo tồn giá trị văn hóa bản địa.

Nghiên cứu cũng cho thấy cộng đồng người Bahnar, Jrai đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong việc lựa chọn các bộ phận và thời điểm khai thác TMC thích hợp để thu được sản phẩm có chất lượng tốt nhất. Kỹ thuật chế biến TMC để làm thuốc của người dân khá đơn giản, dễ thực hiện, có thể dùng tươi hoặc phơi khô cất trữ tạm thời để sử dụng trong thời gian ngắn.

Nghiên cứu đã tổng kết được các mối đe dọa đến kiến thức bản địa trong khai thác, sử dụng tài nguyên cây thuốc nói chung và cây TMC nói riêng, cũng như các mối đe dọa đến quần thể loài tại khu vực nghiên cứu. Trên cơ sở đó, đề tài đã đề xuất đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn, phát triển và khai thác bền vững loài TMC và ứng dụng tri thức bản địa của người Bahnar, Jrai về khai thác, sử dụng các loài cây thuốc nói chung và TMC nói riêng để làm thuốc chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của đề tài chỉ là bước khởi đầu cho một loài cây thuốc mới. Trong tương lai, để đánh giá được tính xác thực, hiệu quả điều trị bệnh của các bài thuốc cần có các nghiên cứu khoa học thực nghiệm, các hội đồng

chuyên môn để thẩm định chất lượng các bài thuốc dân gian, làm cơ sở khoa học ứng dụng vào thực tiễn chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

- Nguyễn Tiến Bản. (2003). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Võ Văn Chi. (2012). *Từ điển cây thuốc Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học.
- Lưu Đàm Cư. (06/02/2009). *Nghiên cứu tri thức và kinh nghiệm y học cổ truyền của các dân tộc để bảo tồn và phát triển cây thuốc*. Khai thác từ <http://www.botanyvn.com/cnt.asp?param=news&newsid=688>
- Trần Minh Đức và Lê Thị Diên. (2015). *Kỹ thuật trồng một số cây loài cây thuốc nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Phạm Hoàng Hộ. (1999-2000). *Cây cỏ Việt Nam*. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản trẻ Tp.HCM.
- Lê Thị Thanh Hương và Nguyễn Trung Thành. (2016). Nghiên cứu tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của các dân tộc thiểu số ở tình thái nguyên để bảo tồn và phát triển bền vững. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ*, 32(1), 55-64.
- Đỗ Tất Lợi. (2004). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học.
- Gary, J. M. (2002). *Thực vật dân tộc học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Võ Thị Minh Phương, Nguyễn Trí Bảo và Nguyễn Văn Vũ. (2017). Đặc điểm sinh học và hiện trạng phân bố cây Thiên môn (*Asparagus sp.*) tại xã Ayun, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp*, 1(2), 331-336.
- Viện Sinh thái Miền Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. (2017). *Kết quả giám định loài Thiên môn chùm (Asparagus racemosus Willd.)*.
- Nguyễn Văn Vũ, Nguyễn Danh và Trần Minh Đức. (2019). Đặc điểm hình thái và cấu trúc phân tử của loài Thiên môn chùm (*Asparagus racemosus Willd.*) tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, 128(3A), 83-91.

2. Tài liệu tiếng Anh

- Amit, C., Payal, Ch., Mangalesh, R. C. R. (2011). *Asparagus racemosus* (Willd): Biological Activities and its Active, *Principles Indo-Global Journal of Pharmaceutical Sciences*, 1(2), 113-120.
- Frawley, D. (1997). *Ayurvedic healing-a comprehensive guide*. Private Limited, Delhi: Motilal Banarsidass.
- Sharma, R. K., & Dash, B. (2003). *Charaka samhita-text with English translation and critical exposition based on Chakrapani Datta's Ayurveda dipika*. India: Chowkhamba Varanasi.
- Frawley, D. (1997). *Ayurvedic healing-a comprehensive guide*. Private Limited, Delhi: Motilal Banarsidass.
- Gogte, V. M. (2000). *Ayurvedic pharmacology and therapeutic uses of medicinal plants*. Mumbai: Scalable Processor Architecture (SPARC).
- Goyal, R. K., Singh, J., & Lal, H. (2003). *Asparagus racemosus* an update. *Indian Journal of Medical Sciences*, 57(9), 408-414.
- Kala, C. P. (2009). Aboriginal uses and management of ethnobotanical species in deciduous forests of Chhattisgarh state in India. *Journal of Ethnobiol and Ethnomedicine*, 5(20), 1-9.
- Bhutani, K. K., Paul, A. T., Fayad, W., Linder, S. (2010). Apoptosis inducing activity of steroidal constituents from *Solanum xanthocarpum* and *Asparagus racemosus*. *Phytomedicine*, 17(10), 789-793.
- Srikantha, M. K. R. (1997). *Appendix and indices*. Varanasi: Krishnadas Academy.
- Nishritha, B., & Sanjay, S. (2007). *Asparagus racemosus*-Ethnopharmacological evaluation and conservation needs. *Journal of Ethnopharmacology*, 110(1), 1-15.
- Sairam, K. S., Priyambada, N. C., & Goel, R. K. (2003). Gastroduodenal ulcer protective activity of *Asparagus racemosus*. An experimental, biochemical and histological study. *Journal of Ethnopharmacol*, 86(1), 1-10.
- Sharma, P. V., & Charaka, S. (2001). *Chaukhambha orientalis*. India: Varanasi.
- Maraseni, T. N., Maroulis, J., & Cockfield, G. (2008). An estimation of willingness to pay for asparagus (*Asparagus racemosus* Willd.) collectors in Makawanpur District, Nepal. *Journal of forest science*, 54(3), 131-137.
- Gogte, V. V. M. (2000). *Ayurvedic pharmacology and therapeutic uses of medicinal plants*. Mumbai: Scalable Processor Architecture (SPARC).
- Wiboonpun, N., Phuwapraisirisan, P., & Tippyang, S. (2004). Identification of antioxidant compound from *Asparagus racemosus*. *Phytotherapy Research*, 18(9), 771-773.